|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT KON TUM  **TRƯỜNG THPT DUY TÂN**  ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề kiểm tra có 03 trang)* | **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I, NĂM 2024 - 2025**  **Môn: ĐỊA LÍ, Lớp: 11**  *Thời gian làm bài: 45 phút, không tính thời gian phát đề* |

*Họ, tên học sinh:…………………………………*

**Mã đề: 113**

*Số báo danh:………………..…….………………*

**I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (4,5 điểm).** *Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu học sinh chỉ chọn 1 phương án.*

**Câu 1.** Ngành chiếm tỉ trọng lớn về giá trị sản xuất trong cơ cấu nông nghiệp ở nhiều các nước Đông Nam Á là

**A.** chăn nuôi. **B.** thủy sản. **C.** dịch vụ. **D.** trồng trọt.

**Câu 2.** Đầu tư của EU tập trung nhiều vào lĩnh vực nào sau đây?

**A.** Công nghiệp khai khoáng và chế biến, chế tạo.

**B.** Bất động sản, du lịch và ngân hàng.

**C.** Dịch vụ, khai thác dầu khí và chế tạo.

**D.** Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

**Câu 3.** Khu vực Mỹ Latinh có

**A.** gia tăng dân số rất nhỏ, dân già. **B.** gia tăng dân số rất cao, dân trẻ.

**C.** dân số ít, cơ cấu dân số rất già. **D.** dân số đông, cơ cấu dân số trẻ.

**Câu 4.** Ngành công nghiệp nào **không** phải là thế mạnh của khu vực Đông Nam Á?

**A.** Chế biến thực phẩm. **B.** Điện tử - tin học.

**C.** Hàng không – vũ trụ. **D.** Khai thác khoáng sản.

**Câu 5.** Những quốc gia có vai trò sáng lập Liên minh châu Âu (EU) là

**A.** Italia, Pháp, Phần Lan, Đức, Thụy Điển.

**B.** Đức, Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Phần Lan, Bỉ.

**C.** Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

**D.** Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

**Câu 6.** Nền nông nghiệp Đông Nam Á có tính chất

**A.** cận nhiệt đới. **B.** nhiệt đới. **C.** ôn đới. **D.** xích đạo.

**Câu 7.** Hoạt động dịch vụ nào đóng vai trò then chốtđối với tất cả các nước khu vực Đông Nam Á?

**A.** Ngoại thương. **B.** Giao thông vận tải.

**C.** Tài chính ngân hàng. **D.** Du lịch.

**Câu 8.** Các cơ quan đầu não của EU **không** bao gồm

**A.** Hội đồng bộ trưởng. **B.** Hội đồng Châu Âu.

**C.** Nghị viện Châu Âu **D.** Viện kiểm soát.

**Câu 9.** Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Mỹ Latinh là

**A.** xây dựng. **B.** công nghiệp. **C.** nông nghiệp. **D.** dịch vụ.

**Câu 10.** Tên gọi Liên minh châu Âu (EU)có từ năm nào sau đây?

**A.** 1983. **B.** 1973. **C.** 1963. **D.** 1993.

**Câu 11.** Cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng

**A.** nông, lâm, ngư nghiệp tăng; công nghiệp - xây dựng giảm, dịch vụ tăng.

**B.** nông, lâm, ngư nghiệp tăng; công nghiệp - xây dựng tăng; dịch vụ biến động.

**C.** công nghiệp - xây dựng tăng; nông, lâm, ngư nghiệp giảm, dịch vụ giảm.

**D.** công nghiệp hóa, hiện đại hóa, một số quốc gia đang chú trọng phát triển nền kinh tế tri thức.

**Câu 12.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về mục tiêu của Liên minh châu Âu (EU)?

**A.** Duy trì nền hòa bình, an ninh. **B.** Tăng cường hợp tác, liên kết.

**C.** Xây dựng liên minh quân sự. **D.** Thúc đẩy sự tự do lưu thông.

**Câu 13.** Cơ quan nào của EU kiểm tra các quyết định của các Ủy ban Liên minh Châu Âu?

**A.** Ủy ban châu Âu. **B.** Hội đồng châu Âu.

**C.** Nghị viện châu Âu. **D.** Hội đồng bộ trưởng châu Âu.

**Câu 14.** Quốc gia nào sau đây đứng đầu Đông Nam Á về diện tích trồng hồ tiêu?

**A.** Ma-lai-xi-a. **B.** Thái Lan. **C.** Việt Nam. **D.** In-đô-nê-xi-a.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thương mại của Liên minh châu Âu (EU)?

**A.** Kinh tế các nước phụ thuộc nhiều vào xuất, nhập khẩu.

**B.** Các nước đã bỏ hàng rào thuế quan buôn bán với nhau.

**C.** EU là bạn hàng lớn của một số nước đang phát triển.

**D.** Hạn chế thực hiện hoạt động tự do buôn bán thế giới.

**Câu 16.** Đứng đầu về sản lượng cá khai thác ở Đông Nam Á là

**A.** Thái Lan. **B.** In-đô-nê-xi-a. **C.** Việt Nam. **D.** Phi-lip-pin.

**Câu 17.** Mục tiêu của EU ngày càng được cụ thể hóa bằng Hiệp ước

**A.** Washinhton **B.** Ma- xtrich **C.** Lít- xbon **D.** Strasbourg

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây đúng về tình hình phát triển kinh tế của khu vực Đông Nam Á?

**A.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, giảm dần.

**B.** Quy mô GDP lớn nhưng tăng chậm dần.

**C.** Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, ổn định.

**D.** Quy mô GDP nhỏ nhưng tăng khá nhanh.

**II. Câu trắc nghiệm đúng sai (4,0 điểm).** *Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu học sinh chọn đúng hoặc sai.*

**Câu 1. Cho thông tin:**

Các nước EU thống nhất thực hiện mục tiêu phát triển xanh. Các hoạt động tập trung vào nền kinh tế tăng trưởng cân bằng, hướng tới tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường, khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và thúc đẩy tiến bộ khoa học – công nghệ. Ví dụ: EU không nhập khẩu sản phẩm từ đánh bắt trái phép hoặc lao động cưỡng chế, đầu tư cho giáo dục và chăm sóc sức khỏe ở tất cả các khu vực trong EU, giảm sử dụng cacbon trong tất cả các hoạt động kinh tế.

**a)** Khai thác triệt để các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**b)** Đầu tư cho giáo dục và chăm sóc sức khỏe ở tất cả các khu vực trong EU.

**c)** EU nhập tất cả các mặt hàng thủy sản mà không cần để ý nguồn gốc cung cấp.

**d)** Mục tiêu năm 2030 giảm phát thải khí nhà kính ít nhất 55%.

**Câu 2. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA ĐÔNG NAM Á, GIAI ĐOẠN 1970 - 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Chỉ tiêu** | **1970** | **1980** | **1990** | **2000** | **2010** | **2020** |
| Số dân (triệu người) | 281,4 | 357,6 | 444,4 | 525,0 | 596,8 | 668,4 |
| Tỉ lệ gia tăng dân số (%) | 2,73 | 2,29 | 2,09 | 1,60 | 1,20 | 1,00 |

**a)** Quy mô dân số lớn, có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ hàng hoá rộng lớn.

**b)** Đông Nam Á có cơ cấu dân số trẻ, đang có xu hướng ngày càng già.

**c)** Tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm và quy mô dân số có xu hướng giảm.

**d)** Dân sốĐông Nam Á năm 2020 tăng 6,684 triệu người.

**Câu 3. Cho bảng số liệu:**

**CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI Ở KHU VỰC MỸ LA TINH GIAI ĐOẠN 2000 – 2020** *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Nhóm tuổi* | *2000* | *2010* | *2015* | *2020* |
| *Dưới 15 tuổi* | *32,2* | *27,7* | *25,6* | *23,9* |
| *Từ 15 đến 64 tuổi* | *62,1* | *65,5* | *66,6* | *67,2* |
| *Từ 65 tuổi trở lên* | *5,7* | *6,8* | *7,8* | *8,9* |

*( Nguồn liên hợp quốc, 2022)*

**a)** Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng nhiều nhất.

**b)** Dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở khu vực Mỹ la tinh giai đoạn 2000 – 2020 là biểu đồ miền.

**c)** Tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm liên tục.

**d)** Tỉ lệ dân số nhóm dưới 15 tuổi giảm liên tục.

**Câu 4. Cho thông tin sau:**

ViệtNam có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và giải quyết các vấn đề của khu vực, như tham gia vào quá trình hình thành các liên kết kinh tế, quảng bá hình ảnh du lịch ASEAN như một điểm đến chung, thúc đẩy giáo dục về biến đổi khí hậu,….

**a)** Việt Nam tham gia hợp tác với ASEAN trong tất cả các lĩnh vực .

**b)** Việt Nam là thành viên chính thức của ASEAN năm 1985.

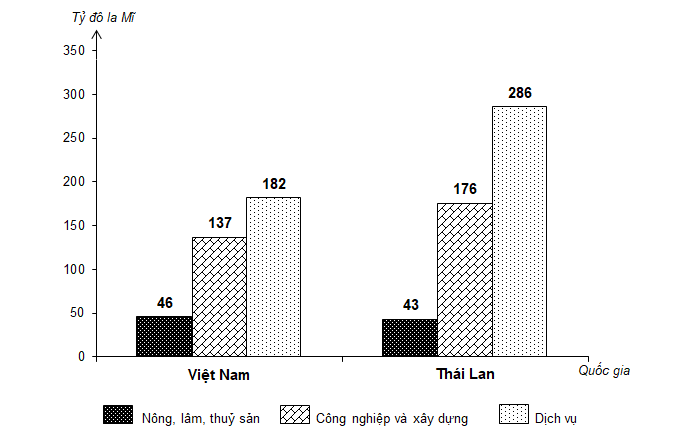
**c)** Là thành viên của ASEAN, Việt Nam sẽ có cơ hội tăng cường thu hút FDI cũng như mở rộng cơ hội đầu tư sang các nước ASEAN.

**d)** Việt Nam cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng nhân lực, chất lượng sản phẩm để có thể nâng cao vị trí trong ASEAN.

**III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn (1,5 điểm).** *Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3*

**Câu 1.** Tính mật độ dân số của EU năm 2021 biết dân số là 447,1 triệu người và diện tích là 4,233 triệu km2? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km2)

**Câu 2. Cho biểu đồ sau:**



**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) THEO NGÀNH KINH TẾ**

**CỦA VIỆT NAM VÀ THÁI LAN NĂM 2022**

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)*

Căn cứ vào biểu đồ trên, cho biết tỷ trọng ngành dịch vụ trong GDP của Việt Nam là bao nhiêu % *(làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất).*

**Câu 3. Cho bảng số liệu:**

**Tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô của một số quốc gia Đông Nam Á, năm 2022**

( Đv: %0 )

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quốc gia | Campuchia | Thái Lan | Việt Nam |
| Tỉ suất sinh thô | 22 | 10 | 15 |
| tỉ suất tử thô | 7 | 8 | 6 |

*Nguồn niên giám thống kê năm 2022, NXB thống kê năm 2023*

Căn cứ bảng số liệu trên, tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Việt Nam năm 2022 *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).*

***------ HẾT ------***